

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CON CUÔNG  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST  
Ngày 03 - 02 - 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Khắc Hg, bà La Thị Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngân Mai Quỳnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn H Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Anh Đ** - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 3 năm 1982 tại phường HT, thị xã KA, tỉnh HT; Nơi cư trú: TK 1, tổ dân phố HB, phường HT, thị xã KA, tỉnh HT; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: kỹ sư thủy lợi; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn D, sinh năm 1952, con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Vợ, con hiện trú tại TK 1, tổ dân phố HB, phường HT, thị xã KA, tỉnh HT; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn Hg** - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1965 tại xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Nơi cư trú: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, NA; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/10; Con ông Trần Văn N (đã chết), con bà Phan Thị Đ, sinh năm 1941; Có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Vợ, con hiện trú tại Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**-Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1974, tại CKhê, CCg, tỉnh NA; Nơi cư trú: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1943, con bà Ngũ Thị H, sinh năm 1945; Có chồng là Chu Văn M, sinh năm 1969 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Chồng, con hiện trú tại Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Hồng Phong** -Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1969, tại xã Châu Khê, Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Thuội, sinh năm 1940, con bà Võ Thị Thùy, sinh năm 1944; Có vợ là Phạm Thị Oanh, sinh năm 1971 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996. Vợ, con hiện trú tại Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Từ Văn M** -Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30 tháng 8 năm 1954, tại xã Châu Khê, Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông Từ Danh Đ (Đã chết), con bà PHg Thị từ (Đã chết); Có vợ là Trần Thị Th, sinh năm 1954 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1988. Vợ, con hiện trú tại Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**-Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 12 năm 1984, tại xã Châu Khê, Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn M (đã chết), con bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1960; Có vợ là Cao Thị Thảo, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Vợ, con hiện trú tại Thôn 2/9, xã CK, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bào chữa cho bị cáo Lê Anh Đ có ông Mai Xuân Định, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn dân sự:

Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê

Địa chỉ: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Thái – Có mặt

Chức vụ: Phó giám đốc hành chính

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- UBND huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

2- UBND xã Châu Khê – Vắng mặt

Địa chỉ: xã CK, huyện CC, tỉnh NA

3- Vi Anh Dũng, sinh năm 1980 – Vắng mặt

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

4- Lô Thị Tâm, sinh năm 1984 – Có mặt

Địa chỉ: Bản Thái Sơn 2, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

5- Lê Văn Sáng, sinh năm 1992 – Vắng mặt

6- Nguyễn Văn Giáp, sinh năm 1974 – Có mặt

7- PHg Xuân Bình, sinh năm 1962 – Có mặt

8- Nguyễn Như Thành, sinh năm 1963 – Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn 2/9. Xã CK, huyện CC, tỉnh NA

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần năng lượng Agrita- Nghệ Tĩnh (nay là công ty cổ phần thủy điện Chi Khê) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/5/2008. Dự án thủy điện Chi Khê do Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê làm chủ đầu tư, được UBND tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đầu tư số 27111000011, ngày 05/4/2010, địa điểm xây dựng trên sông Cả thuộc xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Chủ đầu tư (Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê) và Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Con Cuông thực hiện Dự án thủy điện Chi Khê ký Hợp đồng kinh tế để thực hiện để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/HĐKT ký ngày 25/5/2011; Hợp đồng kinh tế số 5A/HĐKT-HĐBT/2016 ký ngày 19/01/2016.

Để thực hiện Dự án, UBND huyện Con Cuông thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện cột nước thấp xã Chi Khê, huyện Con Cuông ( sau đây gọi tắt là HĐBT). Ngày 16/4/2014, Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê có công văn số 29/CV-HC-TH cử 05 người vào thành viên HĐBT và tổ giúp việc của HĐBT gồm; ông Nguyễn Quang Chính- Phó tổng giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng; ông Mai Khắc Toàn – Chuyên viên Ban kinh doanh, tổ phó tổ giúp việc; ông Nguyễn Hồng Thái - Chuyên viên Ban kinh doanh, tổ viên; ông Lê Đ Anh - Chuyên viên Ban kinh doanh, tổ viên; ông Lê Quang Trường - Chuyên viên Ban tài chính, tổ viên. Ngày 22/4/2014, UBND huyện Con Cuông có Quyết

định số 784//QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng và tổ chuyên môn giúp việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án thủy điện cột nước thấp xã Chi Khê, huyện Con Cuông. Theo Quyết định 784//QĐ-UBND, ông Nguyễn Quang Chính- Phó tổng giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng; các ông Mai Khắc Toàn, Nguyễn Hồng Thái, Lê Anh Đ, Lê Quang Trường là tổ viên tổ giúp việc HĐBT. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và tổ chuyên môn giúp việc thực hiện chức năng theo đúng quy định tại Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND, ngày 19/01/2010, Quyết định số 10/2012/QĐ –UBND, ngày 04/02/2012 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ngoài ra HĐBT và tổ giúp việc HĐBT còn thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND huyện Con Cuông về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng bồi thường , hỗ trợ và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Con Cuông.

Tháng 4/2014, HĐBT tiến hành lập phương án bồi thường tài sản. Khoảng tháng 8/2014, Lê Anh Đ cùng tổ giúp việc HĐBT lập hồ sơ, kiểm đếm tài sản tại thôn Nông Trang (nay là thôn 2/9), xã CK, huyện CC, tỉnh NA. Vào một buổi chiều tháng 8/2014 (không rõ ngày), Ban quản lý thôn gồm: Trần Văn Hg (Trưởng thôn), Nguyễn Thị H(Bí thư chi bộ thôn), Từ Văn M (Phó Thôn) và Nguyễn Hồng Phong (Phó thôn) đang họp hội ý tại Hội trường thôn Nông Trang, xã Châu Khê thì Lê Anh Đ đến. Tại đây, ông Nguyễn Hồng Phong (Phó thôn) có phản nản về kinh phí cho cán bộ thôn đi hỗ trợ kiểm đếm tài sản cùng Tổ giúp việc HĐBT. Lê Anh Đ nói: Hội đồng bồi thường không có kinh phí hỗ trợ; nếu có thì phải lập hồ sơ cho các tổ chức (ý là lập hồ sơ không). Sau đó, những người này (Đ, Hg, H, M, Phong) bàn bạc, thống nhất lập hồ sơ bồi thường không đứng tên chủ hộ gồm: Ban Quản lý thôn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh (sau đây gọi chung là tổ chức đoàn thể thôn 2/9).

Mỗi bộ hồ sơ bồi thường gồm 04 loại tài liệu: Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất (Mẫu số 01); Bản tự kê khai tài sản (Mẫu số 02); Biên bản kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản (mẫu số 03); Biên bản xác định giá trị bồi thường (mẫu số 04). Sau khi Tổ giúp việc HĐBT kiểm kê tài sản thực tế tại các thửa đất thì tiến hành lập hồ sơ, ghi đầy đủ nội dung vào các tài liệu mẫu số 01, 02, 03. Riêng mẫu số 04 chỉ ghi thông tin về chủ hộ, địa chỉ rồi sắp xếp, đóng ghim hồ sơ theo thứ tự từ mẫu số 01 đến mẫu số 04 cho từng chủ hộ. Để lập các mẫu số 01, 02, 03 của hồ sơ bồi thường không 5 tổ chức đoàn thể thôn 2/9, Lê Anh Đ tra trên tờ bản đồ số 06 trích đo địa chính phục vụ công tác bồi thường được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An phê duyệt ngày 11/4/2014, đưa các thửa đất được quy chủ cho Ban quản lý thôn Nông Trang hoặc UBND xã Châu Khê (là những thửa đất không có tài sản) để viết các thông tin trên các tài liệu về số thửa, tờ bản đồ, diện tích. Về tài sản, Đ tự nghĩ và viết tên, số lượng tài sản như sau: Hồ sơ đứng tên Đoàn thanh niên (Thửa đất 69, tờ bản đồ số 06), tài sản gồm 198 mét hàng rào tre mét, 1.830m<sup>2</sup> ngô địa phương; Hồ sơ đứng tên Hội Phụ nữ (Thửa đất 42, 186, 204, tờ bản đồ số 06), tài sản gồm: 257 mét hàng rào tre mét, 1.697,2m<sup>2</sup> ngô địa phương; Hồ sơ đứng tên Hội Cựu chiến binh (thửa đất 203, tờ bản đồ số 06), Tài sản gồm 1.159 cây mét già, 497 cây mét non; Hồ sơ đứng tên Hội Nông dân (thửa 69 tờ bản đồ số 6), tài sản gồm: 263m hàng rào tre mét, 2.15.m<sup>2</sup> ngô địa phương; Hồ sơ đứng tên Ban quản lý thôn có tài sản đã được Đ kiểm kê thực tế và

ghi vào sổ dã ngoại, Đ tăng số lượng tài sản (khai không số lượng tài sản) trong hồ sơ Ban quản lý thôn 2/9.

Sau khi lập xong hồ sơ bồi thường của các hộ dân, Tổ giúp việc HĐBT mời các hộ dân đến Hội trường thôn 2/9 ký hồ sơ. Tổ giúp việc đưa hồ sơ cho người dân kiểm tra, ký hồ sơ. Lê Anh Đ cũng đưa hồ sơ bồi thường không của 5 tổ chức đoàn thể đến Hội trường thôn 2/9 để các đại diện đoàn thể ký hồ sơ. Nguyễn Văn Sđược Từ Văn M gọi đến ký hồ sơ. Khi Nguyễn Văn Sđến bàn làm việc của Từ Văn M thì Từ Văn M nói "Ký vào hồ sơ bồi thường của Đoàn Thanh niên để lấy tiền hỗ trợ". Nguyễn Văn Sbiết Đoàn Thanh niên có đất được giao khoán sử dụng, không thuộc diện bồi thường nhưng vẫn ký vào hồ sơ bồi thường lập cho Đoàn Thanh niên. Nguyễn Hồng Phong ký hồ sơ bồi thường Hội Nông dân tập thể. Trần Văn Hg ký hồ sơ bồi thường của Ban quản lý thôn 2/9 và ký "BQL thôn/bản" lên tài liệu mẫu số 01 (Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất) của 05 hồ sơ bồi thường lập không. Trần Thị M, Nguyễn Văn Tư không biết ký tài liệu mẫu số 02 (Bản tự kê khai tài sản) hồ sơ bồi thường Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh vào thời gian nào.

Sau khi các hộ dân kiểm tra số liệu, không có phát sinh sai sót, thắc mắc gì thì Tổ giúp việc HĐBT hoàn thiện tài liệu mẫu số 04 (Biên bản xác định giá trị bồi thường). Sau đó, Lê Anh Đ đưa các bộ hồ sơ bồi thường của 05 đoàn thể này bỏ cùng tập hồ sơ bồi thường của các hộ dân và đưa toàn bộ hồ sơ bồi thường cho những người ở UBND xã Châu Khê, các thành viên trong HĐBT ký. Hồ sơ bồi thường của dân nhiều, các thành viên của UBND xã Châu Khê, HĐBT không kiểm tra khi ký hồ sơ nên không phát hiện ra 05 hồ sơ bồi thường lập không. Ngày 27/01/2015, UBND huyện Con Cuông ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, trong đó 05 tổ chức đoàn thể thôn Nông Trang đã được phê duyệt số tiền bồi thường: Hội Cựu chiến binh số tiền 19.045.000 đồng; Đoàn Thanh niên số tiền 19.740.000 đồng; Hội Nông dân tập thể số tiền 24.255.000 đồng; Ban Quản lý thôn số tiền 87.105.000 đồng; Hội Phụ nữ số tiền 20.875.000 đồng. Tổng cộng: 171.020.000đ (Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Đến tháng 6/2015, Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê (Chủ đầu tư) tiến hành chi trả tiền bồi thường theo Quyết định số 143/QĐ-UBND. Ngày 15/6/2015, UBND huyện Con Cuông có Thông báo số 47/TB-UBND thông báo lịch chi trả tiền bồi thường từ ngày 19/6/2015 đến ngày 26/6/2015, trong đó chi trả tiền bồi thường tại thôn Nông Trang vào chiều ngày 24/6/2015. Trần Văn Hg, Nguyễn Hồng Phong là người trực tiếp nhận tiền bồi thường cho 5 tổ chức đoàn thể theo Giấy ủy quyền đề ngày 23/6/2015. Trong đó, Nguyễn Hồng Phong ký ủy quyền của Hội nông dân tập thể và ký bên nhận ủy quyền (người nhận tiền); Nguyễn Văn Ský bên ủy quyền của Đoàn Thanh niên; Từ Văn M ký nhái chữ ký Nguyễn Văn Tư bên ủy quyền của Hội Cựu chiến binh. Trần Văn Hg ký nhái chữ ký của Trần Thị M bên ủy quyền của Hội Phụ nữ và ký bên nhận ủy quyền (người nhận tiền). Sau đó, Trần Văn Hg đến UBND xã ký xác nhận của Chủ tịch UBND xã Châu Khê trên Giấy ủy quyền và nộp cho bộ phận chi trả tiền bồi thường. Trần Văn Hg, Nguyễn Hồng Phong là người được uỷ quyền, trực tiếp nhận tiền bồi thường của 5 tổ chức đoàn thể: 171.020.000đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Đến chiều tối ngày 24/6/2015, Lê Anh Đ đến Hội trường thôn 2/9 gặp Nguyễn Văn Hg, Nguyễn Thị H, Từ Văn M, Nguyễn Hồng Phong. Những người này xác định trong tổng số tiền bồi thường nhận được 171.020.000đ, số tiền bồi thường tài sản do lập đúng là 50.155.000 đồng (Năm mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), do lập không là 120.865.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận Đ được hưởng 2/3 số tiền lập không là 81.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Phong đưa cho Đ số tiền 81.000.000đ. Đ nhận tiền sau đó đi về. Số tiền còn lại 171.020.000 đồng - 81.000.000 đồng = 90.020.000 đồng, Ban quản lý thôn giao cho Nguyễn Hồng Phong là kế toán thôn quản lý.

- Đến ngày 28/6/2015, Ban quản lý thôn chi đợt 1 cho các đại diện nhận khoán mét (Lê Văn Cảnh, Nguyễn Văn Giáp, PHg Xuân Bình, Nguyễn Duy Thành) tổng số tiền 20.455.000 đồng; chi cho Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M, Nguyễn Văn Smỗi người 3.200.000đ (Tổng số tiền chi cho 5 người là 16.000.000 đồng). Ngày 27/9/2015, Ban quản lý thôn chi đợt 2 cho các đại diện nhận khoán mét (Lê Văn Cảnh, Nguyễn Văn Giáp, PHg Xuân Bình, Nguyễn Duy Thành) tổng số tiền 13.225.000 đồng. Nguồn tiền chi các khoản này từ số tiền bồi thường mét (bồi thường đúng tài sản): 50.155.000 đồng.

- Số tiền còn lại 40.340.000 đồng (gồm tiền lập không sau khi đã chia cho Lê Anh Đ là 39.865.000 đồng + tiền bồi thường đúng tài sản còn lại là 475.000 đồng), ngày 13/9/2017, Ban Quản lý thôn đã chi cho Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M, Nguyễn Văn Smỗi người 4.800.000 đồng; chi cho 4 đoàn thể (Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) mỗi đoàn thể số tiền 4.000.000 đồng (tổng chi cho 4 đoàn thể là 16.000.000 đồng). Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Sáng, Trần Thị M, Nguyễn Văn Tư là người đứng đầu đoàn thể mỗi người được nhận số tiền 1.000.000 đồng trong tổng số tiền 4.000.000 đồng được chi cho đoàn thể của mình; chi mua nước uống 340.000 đồng.

Tại các bản Kết luận giám định số 437/KL-PC09 ngày 16/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Chữ viết “Nông Trang”, “Hội phụ nữ thôn” trên “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu A5; chữ viết “Hội phụ nữ thôn”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A10; chữ viết “Chi hội phụ nữ thôn”, “Nông trang”, “Trần Văn Hg”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG” ký hiệu A15; chữ viết “Hội phụ nữ thôn”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG” ký hiệu A20 so với chữ viết của Lê Anh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Nông trang”, “Hội Nông dân tập thể” trên “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu A3; chữ viết “Hội nông dân tập thể”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A8; chữ viết “Hội nông dân tập thể”, “Trần Văn Hg”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG” ký hiệu A13; chữ viết “Hội nông dân tập thể”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG” ký hiệu A18 so với chữ viết của Lê Anh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Nông trang”, “Hội cựu chiến binh” trên “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu A2; chữ viết “Hội cựu chiến binh”, “Nông trang”, “Mét già”, “Mét non” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A7; chữ viết “Hội cựu chiến binh”, “Nông trang”, “Trần Văn Hg”, “Mét già”, “Mét non” trên “BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG” ký hiệu A12; chữ viết “Hội cựu chiến binh”, “Nông trang”, “Mét già”, “Mét non” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG” ký hiệu A17 so với chữ viết của Lê Anh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Nông trang”, “Đoàn thanh niên” trên “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu A4; chữ viết “Đoàn thanh niên”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A9; chữ viết “Đoàn thanh niên”, “Nông trang”, “Trần Văn Hg”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG” ký hiệu A14; chữ viết “Đoàn thanh niên”, “Nông trang”, “Hàng rào tre mét”, “Ngô địa phương” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG” ký hiệu A19 so với chữ viết của Lê Anh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Nông trang”, “Ban Quản lý thôn”, “Trần Văn Hg” trên “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu A1; chữ viết “Ban quản lý thôn”, “Nông trang”, chữ viết dưới mục “c) Cây cối, hoa màu” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A6; chữ viết “Trần Văn Hg” trên “BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG” ký hiệu A11 so với chữ viết của Lê Anh Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Trần Văn Hg dưới mục “Ban cán sự thôn (bản)” trên 05 “GIẤY XÁC NHẬN” ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ ký của Trần Văn Hg trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M11 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Hồng Phong dưới mục “TM. GIA ĐÌNH CHỦ HỘ” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A8 so với chữ ký của Nguyễn Hồng Phong trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M12 đến M16 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Tư dưới mục “TM. GIA ĐÌNH CHỦ HỘ” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A7 so với chữ ký của Nguyễn Văn Tư trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M17 đến M20 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn S dưới mục “TM. GIA ĐÌNH CHỦ HỘ” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A9 so với chữ ký của Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M21, M22 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trần Văn Hg dưới mục “TM. GIA ĐÌNH CHỦ HỘ” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A6 so với chữ ký của Trần Văn Hg trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M11 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trần Thị M dưới mục “TM. GIA ĐÌNH CHỦ HỘ” trên “BẢN TỰ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN” ký hiệu A10 so với chữ ký của Trần Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M26, M27, M28 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký “Tu” , chữ viết “Nguyễn Văn Tu” dưới mục “Chữ ký của bên ủy quyền” trên “Giấy ủy quyền” đề ngày 23/06/2015 ký hiệu A21 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Tu trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M17 đến M20 không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký mang tên Trần Thị M, chữ viết “Trần Thị M” dưới mục “Chữ ký của bên ủy quyền” trên “Giấy ủy quyền” đề ngày 23/06/2015 ký hiệu A21 so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M26, M27, M28 không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Sáng, chữ viết “Nguyễn Văn Sáng” dưới mục “Chữ ký của bên ủy quyền” trên “Giấy ủy quyền” đề ngày 23/06/2015 ký hiệu A21 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Strên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M21, M22 là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 27/5/2020, Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê đã có Công văn số 35/2020/CV trả lời: Chủ đầu tư đã chi trả bồi thường theo Quyết định 143/QĐ-UBND không thực hiện ghi thu, chi chi ngân sách; việc Lê Anh Đ cùng các cá nhân lập không hồ sơ bồi thường được phê duyệt theo Quyết định 143/QĐ-UBND là làm thiệt hại cho Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê. Vì vậy, Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê bị thiệt hại tài sản: 120.865.000đ (Một trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định: Thời điểm xảy ra thiệt hại là ngày chi trả tiền bồi thường (24/6/2015), Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê có vốn điều lệ 450 tỷ đồng của 03 cổ đông. Trong đó: Công ty cổ phần tập đoàn Tân Tạo chiếm 5%; Công ty cổ phần phát triển năng lượng Tân Tạo chiếm 44%; Tổng công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi (AGRIMECO) chiếm 51% vốn điều lệ trong Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê. Trong AGRIMECO có vốn Nhà nước 29% là của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Như vậy, xác định thiệt hại tài sản Nhà nước là  $121.000.000 \times 51\% \times 29\% = 17.895.900$  đồng. Tuy nhiên, đến năm 2017, SCIC thoái vốn bằng hình thức đấu giá vốn Nhà nước. Do đó, hiện nay không xem xét quyền lợi của Nhà nước trong số tiền thiệt hại của Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê.

Cáo trạng số: 200/CT-VKS-P3 ngày 30/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Lê Anh Đ, Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M và Nguyễn Văn SvỒ tểi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy ②Đnh t<sup>1</sup>i kho¶n1 §iĐu 356 Bế luật h×nh sù.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Anh Đ mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Hg mức án tù



01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hmức án từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Phong mức án từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Từ Văn M mức án từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Smức án từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M, Nguyễn Văn Sáng; Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh Đ có ý kiến: Quá trình nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc bị cáo và qua cuộc phỏng vấn công khai tại phiên tòa bị cáo Lê Anh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Vì vậy về mặt tội danh tôi không tranh luận, tôi chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Từ trước đến nay bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi nhằm khắc phục hậu quả, bị cáo có thành tích báo cơ quan Công an phát hiện tội phạm, trong quá trình công tác bị cáo lập được nhiều thành tích và được tặng Giấy khen; bố đẻ bị cáo tham gia TNXP thương tật hạng 4/4, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất và hưởng án treo, đồng thời miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác M, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã

thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Các bị cáo, người làm chứng, Luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Anh Đ, Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M và Nguyễn Văn Skhai nhận: Trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, tháng 8/2014 vì mục đích vụ lợi, Lê Anh Đ đã lợi dụng vào vị trí công tác làm trái công vụ được giao, bàn bạc, thống nhất với cán bộ Ban quản lý thôn Nông Trang (nay là thôn 2/9) gồm: Trần Văn Hg (Trưởng thôn), Nguyễn Thị H (Bí thư chi bộ thôn), Từ Văn M (Phó Thôn) và Nguyễn Hồng Phong (Phó thôn) để lập không 04 hồ sơ đền bù cây cối, hoa màu trên 05 thửa đất đứng tên hồ sơ là: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tập thể và nâng không số lượng cây trong hồ sơ của Ban quản lý thôn 2/9 để nhận tiền bồi thường để nhận số tiền là 120.865.000 đồng. Số tiền lập không, Lê Anh Đ và các bị cáo đã chia nhau. Cụ thể: Lê Anh Đ lấy số tiền 81.000.000 đồng; Trần Văn Hg được chia số tiền 4.800.000 đồng; Nguyễn Thị H được chia số tiền 4.800.000 đồng; Nguyễn Hồng Phong được chia số tiền 5.800.000 đồng; Từ Văn M được chia số tiền 4.800.000 đồng; Nguyễn Văn S được chia số tiền 5.800.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lê Anh Đ, Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M và Nguyễn Văn S vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 như bản cáo trạng là có căn cứ.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, có nhiều bị cáo cùng tham gia, nhưng không có sự bàn bạc phân công thực hiện tội phạm, sự liên kết trong các hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Anh Đ là người được Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê giao nhiệm vụ là tổ viên tổ giúp việc trong việc lập hồ sơ, kiểm đếm tài sản nhằm thực hiện phương án đền bù. Bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ được giao rủ rê các bị cáo khác lập không hồ sơ nhằm chiếm đoạt số tiền 120.865.000 đồng, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm M để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt. Xét từ trước đến nay bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi biết hành của mình là vi phạm bị cáo đã tự

nguyên nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi nhằm khắc phục hậu quả, trong quá trình công tác bị cáo lập được nhiều thành tích và được tặng Giấy khen; bố đẻ bị cáo tham gia TNXP thương tật hạng 4/4, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, nên không cần thiết cách ly xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo như lời luật sư phát biểu là có căn cứ.

Đối với Trần Văn Hg là người thực hành tích cực, bị cáo biết lập hồ sơ không để chiếm đoạt tiền đền bù là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không can ngăn mà còn trực tiếp ký vào tất cả các hồ sơ không. vì vậy bị cáo coa vai trò thứ hai sau Lê Anh Đ. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm M, nhằm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét từ trước đến nay bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã nộp lại số tiền đã chiếm đoạt nhằm khắc phục hậu quả, bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An, UBND huyện Con Cuông, UBND xã Châu Khê nhiều lần tặng Bằng Khen, Giấy khen, Chiến sỹ thi đua; bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Vì vậy không cần phải cách ly xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ.

Đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M và Nguyễn Văn Stham gia trong vụ án với vai trò là người giúp sức và là người thực hành tích cực. Khi nghe Lê Anh Đ rủ lập hồ sơ không nhằm chiếm đoạt tiền, mặc dầu các bị cáo biết hành vi lập không hồ sơ là vi phạm pháp luật, các bị cáo không can ngăn mà còn thực hành tích cực. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm M tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, bị cáo Nguyễn Thị H có nhiều thành tích trong quá trình công tác được UBND huyện Con Cuông, UBND xã Châu Khê nhiều lần tặng Giấy khen; bố đẻ, mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba, bị cáo Nguyễn Hồng Phong có nhiều thành tích trong quá trình công tác được UBND huyện Con Cuông, UBND xã Châu Khê nhiều lần tặng Giấy khen; bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo Từ Văn M là thương binh loại A, có nhiều thành tích trong quá trình công tác được UBND huyện Con Cuông, UBND xã Châu Khê nhiều lần tặng Giấy khen, bị cáo Nguyễn Văn S có nhiều thành tích trong quá trình công tác được UBND xã Châu Khê tặng Giấy khen; bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng ba. Vì vậy không cần thiết cách ly mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, quản lý, giáo dục là có căn cứ.

Đối với bà Trần Thị M (Hội trưởng Hội phụ nữ), ông Nguyễn Văn Tư (Hội trưởng Hội cựu chiến binh): là người có duy nhất chữ ký "TM Chủ hộ" trên Bản tự kê khai đất đai tài sản. Tuy nhiên bà M và ông Tư không nhận tiền bồi thường không của Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, cũng không ký giấy ủy quyền nhận tiền (người khác ký giả thay). Ngày 13/9/2017, Trần Văn Hg, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Thị Hùng bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn Tư họp, bàn bạc thống nhất hỗ trợ 04 tập thể, mỗi tập thể 4.000.000 đồng, trong đó chi hỗ trợ cho người đứng đầu 1.000.000 đồng còn 3.000.000 đồng nhập quỹ". Bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn Tư không biết nguồn gốc số tiền do lập không hồ sơ bồi thường mà có, đã nhận tiền và nộp quỹ đoàn thể 3.000.000 đồng, hưởng 1.000.000 đồng

như bàn bạc. Vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn Tư là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Ông Nguyễn Thanh Bình (Chủ tịch UBND xã Châu Khê - ủy viên HĐBT) ký giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất; ký bản tự khai đất đai tài sản; ký biên bản xác định giá trị bồi thường; bà Vi Thị Khảm (MTTQ xã Châu Khê) ký giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất; ông Vi Anh Dũng (chuyên viên phòng TNMT, tổ trưởng tổ giúp việc HĐBT), ông Nguyễn Hữu Thịnh (chuyên viên Phòng Công thương, tổ viên tổ giúp việc HĐBT), ông Lương Thanh Tuấn (chuyên viên Phòng Tài chính kế hoạch), ông Lê Quang Trường (chuyên viên Ban tài chính Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê - tổ viên tổ giúp việc HĐBT), ông Lương Văn Tuấn (công chức địa chính xã Châu Khê - tổ viên tổ giúp việc HĐBT) ký biên bản kiểm kê hiện trạng, bà Lô Thị Tâm (chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - tổ viên tổ giúp việc HĐBT) ký biên bản kiểm kê hiện trạng và tham mưu thẩm định về cây cối, hoa màu, ông Phan Thanh Hg (Phó Trưởng phòng TNMT, Phó Chủ tịch Hội đồng HĐBT), ông Lưu Văn Cứ (Trưởng Phòng Công thương, thành viên HĐBT), ông Lương Văn Nhâm (Trưởng Phòng Tài chính kế hoạch - ủy viên HĐBT), ông Nguyễn Quang Chính (Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê - ủy viên HĐBT) ký biên bản xác định giá trị bồi thường, bà Mai Thị Bình (Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - ủy viên HĐBT) là những người thiếu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong việc ký biên bản xác định giá trị bồi thường và công văn thẩm định phương án bồi thường của phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên quá trình thực hiện nhiệm vụ, do Lê Anh Đ đưa các bộ hồ sơ bồi thường của 05 tổ chức đoàn thể thôn 2/9, xã Châu Khê bỏ cùng tập hồ sơ bồi thường của nhiều hộ dân để trình thành viên của UBND xã Châu Khê, các thành viên trong HĐBT ký vào các tài liệu có trong hồ sơ; những người này thiếu kiểm tra nên không phát hiện ra 05 hồ sơ bồi thường của các tổ chức đoàn thể thôn 2/9 được lập không. Xét hành vi của những người trên chưa đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự mà cần xem xét xử lý nghiêm khắc về Đảng và chuyên môn là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty thủy điện Chi Khê đề nghị được nhận số tiền 117.800.000đồng các bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra. Xét đề nghị đó có căn cứ nên được chấp nhận, số tiền còn thiếu 3.065.000 đồng các bị cáo gây thiệt hại cho Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê không yêu cầu nên miễn xét. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ông Lê Văn Cảnh, Nguyễn Văn Giáp, PHg Xuân Bình, Nguyễn Như Thành không yêu cầu Ban quản lý thôn 2/9 hoàn trả lại số tiền 16.000.000 đồng đã chi cho Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Từ Văn M và Nguyễn Văn Snên không xét.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 117.800.000đồng, hiện số tiền này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An nộp vào tài khoản tạm giữ số 394101068597, tên tài khoản Sở Tài chính tỉnh Nghệ An mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh. Nay cần chuyển giao số tiền này cho Công ty thủy điện Chi Khê. Đối với số tiền 121.000.000 đồng do Lê Anh Đ đã chủ động bồi thường cho Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê vào ngày 25/5/2020, nay Công ty hoàn trả cho Lê Anh Đ.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Lê Anh Đ;

Tuyên bố bị cáo Lê Anh Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Lê Anh Đ 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án 03/02/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Hg;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Hg phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Hg 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án 03/02/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Sáng;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn S phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Phong 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Từ Văn M;

Tuyên bố bị cáo Từ Văn M phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Từ Văn M 01 năm Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Anh Đ cho UBND phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Sáng, Từ Văn M cho UBND xã CK, huyện CC, tỉnh NA quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Slà những người làm nông nghiệp thu nhập bấp bênh, không ổn định; bị cáo Từ Văn M tuổi đã cao, là thương binh nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện nay tài sản của các bị cáo chỉ đảm bảo phục vụ cho nhu cầu cuộc sống hàng ngày nên miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về vật chứng: Chuyển số tiền 117.800.000đồng, hiện đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 394101068597, tên tài khoản Sở Tài chính tỉnh Nghệ An mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh cho Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê; Công ty cổ phần thủy điện Chi Khê trả lại cho bị cáo Lê Anh Đ số tiền 121.000.000 đồng do Lê Anh Đ đã nộp cho Công ty ngày 25/5/2020.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Anh Đ, Trần Văn Hg, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Văn Sáng, Từ Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Con Cuông;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Con Cuông;
- CQTHAHS huyện Con Cuông;
- CCTHADS huyện Con Cuông;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Bảo**